

# ĐỒNG PHẠM TRONG VỤ ÁN DO PHÁP NHÂN THỰC HIỆN

*Phí Thành Chung\**

**Tóm tắt:** *Tiếp cận vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân, hiện nay có hai quan điểm khoa học chính: Quan điểm thứ nhất cho rằng pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự, không phải là chủ thể của tội phạm. Quan điểm thứ hai có tính truyền thống hơn khi xác định pháp nhân cũng giống như cá nhân, vừa là chủ thể của tội phạm, vừa là chủ thể của trách nhiệm hình sự. Tùy theo mỗi quan điểm và cách tiếp cận, vấn đề đồng phạm trong vụ án pháp nhân thực hiện tội phạm sẽ đưa đến nhiều hệ quả pháp lý khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, tác giả không có điều kiện để luận bàn về tính đúng hay sai của các quan điểm khoa học mà chỉ đặt ra các vấn đề phát sinh nếu tiếp cận từ mỗi quan điểm.*

**Abstract:** *In addressing the issue of the criminal responsibility of legal entities, two primary scientific viewpoints currently exist. The first holds that a legal entity is merely the subject of criminal responsibility but not the subject of a crime. The second, more traditional viewpoint, asserts that a legal entity, like an individual, is both the subject of a crime and the subject of criminal responsibility. Depending on the viewpoint and approach adopted, the issue of complicity in cases where a legal entity commits a crime may lead to varying legal consequences. Within the scope of this article, the author does not seek to evaluate the correctness of these scientific viewpoints but instead highlights the legal issues that arise from each perspective.*

## 1. Đồng phạm trong vụ án do pháp nhân thực hiện tội phạm tiếp cận từ quan điểm pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự

Quan điểm pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự được lập luận dựa trên các căn cứ khoa học sau:

*Thứ nhất, sự khác nhau về cơ sở trách nhiệm hình sự của cá nhân và pháp nhân.*

Trách nhiệm hình sự của cá nhân phát sinh do cá nhân đã thực hiện hành vi bị pháp luật hình sự coi là tội phạm và do vậy cơ sở pháp lý là cấu thành tội phạm trong Luật Hình sự. Trong khi đó, trách nhiệm hình sự của pháp nhân phát sinh do pháp nhân có quan hệ đặc biệt với cá nhân đã

thực hiện tội phạm cũng như với tội phạm đã được cá nhân thực hiện và do vậy cơ sở pháp lý là mối quan hệ đặc biệt đó (đã được luật cụ thể hóa thành các điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân)<sup>1</sup>.

Quan hệ đặc biệt này được pháp luật cụ thể hóa thành các điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Điều kiện cụ thể mà pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự:

a) Pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà tội phạm đó là hành vi cố ý không thực hiện nghĩa vụ được quy định trực tiếp cho pháp nhân như

\* TS., Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội.

<sup>1</sup> Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ nhiệm đề tài), *Lập pháp hình sự về trách nhiệm của pháp nhân dưới góc độ so sánh luật*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr. 13.

nghĩa vụ đóng thuế, nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động...

Trong trường hợp này, hành vi phạm tội chỉ có thể quy cho người có trọng trách nhất của pháp nhân. Tính chất của tội phạm đã phản ánh quan hệ đặc biệt giữa tội phạm và người thực hiện tội phạm với pháp nhân nên không cần xác định mối quan hệ đặc biệt giữa tội phạm, người phạm tội với pháp nhân.

b) Pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà tội phạm đó được cá nhân nhân danh pháp nhân thực hiện và vì lợi ích của pháp nhân.

Nhân danh pháp nhân có thể là trực tiếp thực hiện hoặc dùng tư cách nhân danh pháp nhân giao cho người khác thực hiện hành vi phạm tội (thông qua ủy quyền).

Vì lợi ích của pháp nhân đòi hỏi hành vi thực hiện đem lại lợi ích hoặc nhằm đem lại lợi ích cho pháp nhân.

Trong cả hai trường hợp trên, việc xác định trách nhiệm hình sự của pháp nhân sẽ theo thuyết đồng hóa trách nhiệm.

c) Pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp thành viên của pháp nhân đã phạm tội khi thực hiện công việc được pháp nhân giao và việc xảy ra tội phạm này có phần lỗi của pháp nhân<sup>2</sup>. Tội phạm xảy ra và chủ thể thực hiện vẫn có quan hệ đặc biệt với pháp nhân. Việc quy định trách nhiệm hình sự trong trường hợp này theo thuyết văn hóa pháp nhân.

*Thứ hai, chỉ có một hệ thống quy định về tội phạm đối với cá nhân phạm tội.* Đối với pháp nhân là các quy định về điều kiện và nội dung chịu trách nhiệm hình sự.

Tội phạm mà pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự là tội phạm do cá nhân thực hiện mà không phải do pháp nhân thực hiện (theo đúng nghĩa). Đối với cá nhân, vì thực hiện tội phạm nên họ phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với pháp nhân, vì phải chịu trách nhiệm hình sự do thỏa mãn các điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự nên pháp nhân bị coi là phạm tội, bị coi là thực hiện tội phạm.

Theo đúng nghĩa, chỉ có tội phạm do người thực hiện nên người phạm tội và chủ thể của tội phạm chỉ có thể là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Pháp nhân chỉ có thể là chủ thể của trách nhiệm hình sự. Khi pháp nhân thỏa mãn các điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự thì cũng có thể bị coi là thực hiện tội phạm, bị coi là chủ thể của tội phạm và có thể gọi là pháp nhân phạm tội, nhưng điều đó không có nghĩa là có tội phạm thứ hai là tội phạm do pháp nhân thực hiện và do vậy không đòi hỏi có hệ thống các quy định thứ hai trong Bộ luật Hình sự quy định về tội phạm do pháp nhân thực hiện bên cạnh các quy định về tội phạm do cá nhân thực hiện<sup>3</sup>.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn lập pháp hình sự của 9 quốc gia nước ngoài (Trung Quốc, Pháp, Thụy Sĩ, Hà Lan, Áo, Nhật Bản, Anh, Hoa Kỳ, Úc) cho thấy pháp luật hình sự của các quốc gia này đều phản ánh nguyên tắc trách nhiệm hình sự độc lập của pháp nhân đối với trách nhiệm hình sự của cá nhân. Điều này cũng thể hiện rõ không có tội phạm thứ hai vì chỉ khi có chung tội phạm nên vấn đề quan hệ giữa trách nhiệm

<sup>2</sup> Nguyễn Ngọc Hòa, tldđ, tr. 17-19.

<sup>3</sup> Nguyễn Ngọc Hòa, tldđ, tr. 15-16.

hình sự của hai chủ thể mới có lý do được đặt ra<sup>4</sup>.

Theo cách tiếp cận này, khi pháp nhân không là chủ thể tội phạm thì pháp nhân cũng không thể là một bên để liên kết cùng cố ý thực hiện tội phạm, do đó, không có pháp nhân trong vụ án đồng phạm mà chỉ có vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong vụ án đồng phạm. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân được xác định trong các trường hợp như sau:

a) Tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân gắn với hành vi của nhiều cá nhân đồng phạm với nhau.

b) Tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân gắn với hành vi của nhiều cá nhân mà họ không đồng phạm với nhau. Trong đó, có thể xảy ra khả năng mỗi hành vi của cá nhân đủ cấu thành tội phạm; hoặc cũng có khả năng không có hành vi nào của các cá nhân này đủ mức độ khách quan của tội phạm, nhưng tổng hợp các hành vi của họ lại đủ mức độ khách quan của tội phạm. Khi đó, vẫn coi là tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Đó là tội phạm được hình thành từ các hành vi của các cá nhân khác nhau<sup>5</sup>.

Với các quan niệm về trách nhiệm hình sự của pháp nhân như trên, về kỹ thuật lập pháp, trách nhiệm hình sự của pháp nhân không làm thay đổi các quy định đã có ở phần chung và Phần Các tội phạm của Bộ luật Hình sự mà chỉ cần bổ sung: Quy định hình thức pháp nhân là chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự, quy định điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân, quy định phạm vi tội phạm mà pháp

nhân chịu trách nhiệm hình sự và quy định hình phạt và các biện pháp phi hình phạt áp dụng cho pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự<sup>6</sup>.

Tuy nhiên, tiếp cận quan điểm pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự cũng đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết:

*Thứ nhất, vấn đề cơ sở trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong vụ án đồng phạm.*

Theo quan điểm truyền thống, cơ sở trách nhiệm hình sự là việc chủ thể thực hiện hành vi thỏa mãn cấu thành tội phạm trong Bộ luật Hình sự, gồm có cơ sở vật chất là hành vi nguy hiểm cho xã hội của chủ thể và cơ sở pháp lý là cấu thành tội phạm. Trong vụ án đồng phạm, hành vi nguy hiểm cho xã hội của chủ thể bao gồm các hành vi thực hành, tổ chức, xúi giục, giúp sức. Cấu thành tội phạm của đồng phạm bao gồm những dấu hiệu tổng hợp của cấu thành tội phạm cụ thể và của chế định đồng phạm.

Nếu theo cách tiếp cận pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự mà không phải là chủ thể của tội phạm, tức là trách nhiệm hình sự của pháp nhân sẽ không có cơ sở vật chất là hành vi phạm tội của chủ thể.

Trong khi đó, khoản 2 Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định cơ sở của trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại: “Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Đây là cơ sở pháp lý được bổ sung để giải quyết

---

<sup>4</sup> Nguyễn Ngọc Hòa, tldđ, tr. 14.

<sup>5</sup> Nguyễn Ngọc Hòa, tldđ, tr. 13-14.

---

<sup>6</sup> Nguyễn Ngọc Hòa, tldđ, tr. 23.

trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về khái niệm tội phạm: "... là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc do pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý...". Điều luật này kế thừa quy định về khái niệm tội phạm trong Bộ luật Hình sự năm 1985 và năm 1999, có bổ sung chủ thể mới là pháp nhân thương mại bên cạnh chủ thể truyền thống là cá nhân. Như vậy, theo các quy định này, cá nhân cũng như pháp nhân đều thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội một cách cố ý và vô ý. Do đó, có hai chủ thể khác nhau thực hiện tội phạm là cá nhân và pháp nhân thương mại.

Mặc dù, các nhà khoa học tiếp cận pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự cho rằng cơ sở của trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân là mối quan hệ đặc biệt giữa pháp nhân và cá nhân đã thực hiện tội phạm cũng như với cá nhân đã thực hiện tội phạm đó. Mối quan hệ này đã được cụ thể hóa thành các điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Tuy nhiên, những lập luận này mới chỉ là những sự suy luận logic, chưa có cơ sở pháp lý và còn có mâu thuẫn với quan niệm truyền thống về cơ sở của trách nhiệm hình sự.

*Thứ hai, cơ sở liên kết hành vi của các cá nhân không đồng phạm với nhau mà hành vi của mỗi người chưa đủ cấu thành tội phạm nhưng tổng hợp các hành vi của các cá nhân đủ mức độ tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân.*

Trong trường hợp này, do hành vi của mỗi cá nhân chưa đủ cấu thành tội phạm nên không có tội phạm do cá nhân thực hiện. Mặc dù tổng hợp các hành vi của các cá nhân đủ mức độ tội phạm (đủ yếu tố cấu thành tội phạm), nhưng các hành vi này do các cá nhân không cùng cố ý để thực hiện nên cũng không thể có sự liên kết để tổng hợp thành một khối thống nhất làm cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân.

Vì vậy, nếu theo quan điểm tiếp cận pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự: "Vẫn có thể coi là tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân. Đó là tội phạm được hình thành từ các hành vi của các cá nhân khác nhau"<sup>7</sup> thì vẫn chưa có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để thuyết phục.

*Thứ ba, giải quyết trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong các trường hợp phạm tội của vụ án đồng phạm.*

Tiếp cận theo quan điểm pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự thì tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân gắn với hành vi của cá nhân hoặc nhiều cá nhân là đồng phạm hoặc không phải là đồng phạm với nhau. Đối với trường hợp các cá nhân là đồng phạm của nhau thì có các trường hợp về giai đoạn thực hiện tội phạm, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, hành vi vượt quá trong đồng phạm. Nếu hành vi của cá nhân thuộc trường hợp nào thì trách nhiệm hình sự của pháp nhân sẽ xác định tương ứng với trường hợp đó. Ở đây, có thể nảy sinh vấn đề về sự không thống nhất giữa pháp nhân và hành vi của cá nhân thực hiện tội phạm. Nếu pháp nhân không muốn tiếp tục tội phạm hoặc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội hoặc cá nhân

<sup>7</sup> Nguyễn Ngọc Hòa, tldd, tr. 14.

có hành vi vượt quá ý định của pháp nhân thì trách nhiệm hình sự của pháp nhân có thuộc các trường hợp chưa đạt, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội hoặc chỉ trong phạm vi hậu quả mà pháp nhân mong muốn không?

*Thứ tư, mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự của pháp nhân và trách nhiệm hình sự của cá nhân trong vụ án đồng phạm.*

Về nguyên tắc, trách nhiệm hình sự của pháp nhân và trách nhiệm hình sự của cá nhân độc lập với nhau, không loại trừ nhau. Trách nhiệm hình sự của cá nhân dựa trên hành vi phạm tội của cá nhân nên không phụ thuộc vào trách nhiệm hình sự của pháp nhân, đồng thời, việc truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân cũng không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân dựa trên hành vi của cá nhân (một người hoặc nhiều người – đồng phạm hoặc không đồng phạm) mà không phụ thuộc vào trách nhiệm hình sự của cá nhân.

Suy rộng ra, trong vụ án đồng phạm, trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân là người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức của cùng vụ án đồng phạm. Nhưng, trách nhiệm hình sự của pháp nhân được xác định trên cơ sở hành vi của các cá nhân là đồng phạm với nhau. Tiếp cận trên quan điểm pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự thì quan hệ giữa trách nhiệm hình sự pháp nhân và trách nhiệm hình sự của cá nhân đều dựa trên cùng một tội phạm do các cá nhân cùng cố ý thực hiện. Tức là, có ít nhất hai chủ thể chịu trách nhiệm hình sự cho cùng một tội phạm, hay một hành vi phạm tội bị truy cứu trách

nhiệm hình sự đối với ít nhất hai chủ thể mà trong đó có chủ thể (pháp nhân) không thực hiện hành vi đó. Điều này có thể gây tranh cãi về việc quy tội khách quan khi “*không cần dựa vào hành vi khách quan miễn là có tồn tại các chứng cứ để có thể khẳng định một cách chắc chắn và bảo đảm sức thuyết phục rằng: Đã có sự liên đới nhất định của chủ thể thứ hai (pháp nhân) đối với hậu quả xảy ra do hành vi khách quan của chủ thể thứ nhất (cá nhân) gây nên (tức là có mối quan hệ nhân – quả với nhau) và như vậy, các chứng cứ về sự liên đới này sẽ được coi là các căn cứ để cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự của chủ thể thứ hai (pháp nhân)*”<sup>8</sup>.

## **2. Đồng phạm trong vụ án do pháp nhân thực hiện tội phạm tiếp cận từ quan điểm pháp nhân là chủ thể của tội phạm**

Tiếp cận trường hợp chủ thể của tội phạm là pháp nhân, tổ chức, “con người pháp lý”, được hình thành nên bởi sự kết hợp của nhiều thể nhân và hành vi phạm tội của pháp nhân được thực hiện thông qua một hoặc nhiều cá nhân cụ thể. Giữa pháp nhân và cá nhân tồn tại mối quan hệ ràng buộc nhất định, tuy nhiên, không phải mọi trường hợp pháp nhân đều phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của cá nhân.

Pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội thông qua hành vi của cá nhân đại diện. Để quy kết hành vi phạm tội của thể nhân là hành vi phạm tội của pháp nhân, khoa học Luật Hình sự ghi nhận ba học thuyết cơ bản: Thuyết trách nhiệm thay thế (Theory of

<sup>8</sup> Lê Văn Cẩm, *Giáo trình sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự Phần chung*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr. 716.

Vicarious liability), Thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm (Theory of Identification liability) và Thuyết văn hóa (Theory of Culture)<sup>9</sup>.

Theo học thuyết trách nhiệm thay thế, bất cứ điều gì mà người lao động, người đại diện cho pháp nhân thực hiện trên cơ sở mối quan hệ giữa tổ chức với người lao động theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận đều được coi là của chính tổ chức thực hiện. Nếu người lao động đã tuân thủ nội quy, quy định mà pháp nhân đề ra thì khi có sai phạm của người lao động, người đại diện thì pháp nhân phải chịu trách nhiệm thay thế. Thực chất, học thuyết trách nhiệm thay thế bắt nguồn từ lĩnh vực pháp luật dân sự và đã được mở rộng sang lĩnh vực hình sự đối với trường hợp pháp nhân phạm tội.

Thuyết văn hóa yêu cầu việc truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân cần phải có ba điều kiện: i) Có hành vi phạm tội của nhân viên pháp nhân; ii) Nhân viên đó thực hiện trong phạm vi chức năng, thẩm quyền được giao hoặc ủy quyền; iii) Thông qua văn hóa pháp nhân có chứng cứ cho thấy nhân viên thực hiện hành vi phạm tội đó nhận thức được rằng pháp nhân đã chỉ đạo, ủng hộ hay không phản đối hành vi mà họ thực hiện hoặc có lỗi khi đã không tạo ra và duy trì một văn hóa đòi hỏi sự tuân thủ pháp luật trong phạm vi pháp nhân<sup>10</sup>.

So với Học thuyết trách nhiệm thay thế có phạm vi quá rộng khi quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp bất kỳ người lao động, người đại

diện có hành vi phạm tội vì lợi ích của tổ chức, đồng thời vi phạm nguyên tắc trách nhiệm trên cơ sở lỗi cá nhân; hay Học thuyết văn hóa có hạn chế, khó khăn khi phải chứng minh văn hóa của pháp nhân trong thực tiễn; đa số các nhà khoa học khi thiết lập trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật Hình sự đều nghiêng về Học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm<sup>11</sup>, đồng nhất hóa sự mong muốn của tập thể với ý muốn cá nhân, coi hành vi và lỗi của người quản lý pháp nhân như chính hành vi của cá nhân. Học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm xác định ba điều kiện để quy kết tội phạm cho pháp nhân: i) Hành vi phạm tội do người chỉ huy, quản lý, chỉ đạo, điều hành pháp nhân thực hiện; ii) Người chỉ huy, quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện hành vi phạm tội nhân danh, thay mặt hoặc đại diện cho pháp nhân; iii) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân<sup>12</sup>. Áp dụng học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm, hành vi, lỗi của thể nhân lãnh đạo, chỉ huy, đại diện (thể nhân đại diện) thực hiện vì lợi ích và trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân cũng được coi là hành vi, lỗi của pháp nhân (đồng nhất hóa). Nếu thể nhân đại diện thực hiện hành vi không vì lợi ích pháp nhân hoặc thực hiện không có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân (hành vi vượt quá) thì hành vi phạm tội của thể nhân đại diện chỉ mang tính cá nhân, không phải là hành vi phạm tội của pháp nhân.

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) áp dụng lý thuyết đồng

<sup>9</sup> Cao Thị Oanh (Chủ nhiệm đề tài), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2011, tr. 22.

<sup>10</sup> Cao Thị Oanh, *tlđđ*, tr. 27.

<sup>11</sup> Trịnh Quốc Toàn, *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 232.

<sup>12</sup> Cao Thị Oanh, *tlđđ*, tr. 25.

nhất hóa trách nhiệm hình sự đưa ra các điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân:

Chủ thể của trách nhiệm hình sự là pháp nhân thương mại. Pháp nhân thương mại được hiểu là “*pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên... bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác*”. (Điều 75 Bộ luật Dân sự năm 2015). Một tổ chức được xác định là pháp nhân nếu thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự năm 2015:

a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật dân sự cũng như luật khác có liên quan;

b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 Bộ luật Dân sự;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Như vậy, phạm vi các tổ chức có thể là chủ thể trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự Việt Nam là tương đối hẹp, bởi vì về nguyên tắc trách nhiệm hình sự có thể được đặt ra cho tất cả các pháp nhân và các tổ chức không phải là pháp nhân.

Khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hình sự hiện hành quy định bốn điều kiện để buộc pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm được thực hiện bởi cá nhân:

a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại.

Trong điều kiện này, hành vi phạm tội do một cá nhân hoặc nhiều cá nhân thực hiện nhưng những hành vi này nhân danh pháp nhân chứ không phải nhân danh cá nhân. Không phải thành viên nào của pháp

nhân thương mại cũng có thể nhân danh pháp nhân thương mại mà chỉ những người đại diện của pháp nhân thương mại mới có quyền nhân danh pháp nhân thương mại. Những người đại diện có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.

b) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại.

Không phải tất cả các hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại đều vì lợi ích của pháp nhân thương mại. Điều kiện để xác định hành vi phạm tội của cá nhân là hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại nếu hành vi phạm tội đó nhằm mang lại lợi ích cho pháp nhân thương mại. Lợi ích mà pháp nhân thương mại nhận được có thể là lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần hoặc lợi thế nhất định, hoặc cũng có trường hợp pháp nhân thương mại không nhận được bất cứ lợi ích thực tế nào nhưng chỉ cần hành vi phạm tội của cá nhân có mục đích hướng tới mang lại lợi ích cho pháp nhân thương mại thì cũng thỏa mãn điều kiện này.

c) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại.

Điều kiện này phản ánh dấu hiệu “lỗi” của pháp nhân thương mại thông qua việc đánh giá ý thức chủ quan của người đứng đầu hoặc ban lãnh đạo của pháp nhân thương mại đối với hành vi do cá nhân đại diện thực hiện. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi người đứng đầu hoặc ban lãnh đạo pháp nhân thương mại nhận thức được hành vi mà người đại diện thực hiện là trái pháp luật mà vẫn chỉ đạo điều hành hoặc chấp thuận cho người đại diện thực hiện hành vi trái

pháp luật đó. Chỉ đạo điều hành nghĩa là pháp nhân thương mại lên kế hoạch, tổ chức thực hiện tội phạm thông qua hành vi của người đại diện. Có sự chấp thuận của pháp nhân thương mại thể hiện sự chủ động thuộc về người đại diện, trong đó người đại diện nghĩ ra việc phạm tội, lên kế hoạch rồi báo cáo với pháp nhân thương mại để pháp nhân thương mại đồng ý hoặc thông báo cho pháp nhân thương mại biết mà không ngăn cản.

Do đó, trường hợp có đủ căn cứ xác định pháp nhân thương mại đã áp dụng đầy đủ các biện pháp theo quy định pháp luật, không chấp nhận hoặc không chỉ đạo, điều hành thực hiện tội phạm, nhưng hành vi phạm tội vẫn xảy ra thì không thể quy kết hành vi phạm tội đó cho pháp nhân thương mại nên cũng không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại.

d) Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Bộ luật Hình sự.

Giống như cá nhân, để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại thì hành vi đó phải còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Bộ luật Hình sự quy định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân xác định thông qua việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân nhưng chỉ trong phạm vi 33 tội danh được quy định tại Điều 76 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, pháp nhân thương mại chỉ trở thành chủ thể của tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đầy đủ bốn điều kiện nêu trên. Nếu thiếu một điều kiện thì không có trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại.

Theo lý thuyết về đồng phạm và lý thuyết đồng nhất hóa nêu trên, có các trường hợp đồng phạm trong vụ án do pháp nhân thực hiện:

*Thứ nhất, pháp nhân và cá nhân hoặc pháp nhân khác cùng cố ý thực hiện tội phạm.*

Nếu hai pháp nhân hoặc pháp nhân và cá nhân (không đại diện pháp nhân) cùng cố ý tham gia thực hiện một tội phạm, tức là giữa các cá nhân đại diện cho các pháp nhân hoặc cá nhân đại diện và cá nhân khác có cùng chung ý chí, chung hành động thì hai pháp nhân hoặc pháp nhân và thể nhân là đồng phạm của nhau. Bởi vì, về nguyên tắc, những quy định pháp luật cho cá nhân cũng được quy định tương ứng cho pháp nhân và ngoài những quy định đặc thù cho pháp nhân thì các quy định khác của thể nhân được áp dụng cho pháp nhân. Trong đó, vấn đề đồng phạm không có quy định đặc thù của pháp nhân nên các quy định về đồng phạm của thể nhân được áp dụng đối với pháp nhân.

Nếu pháp nhân và cá nhân là đồng phạm thì tồn tại hai quan hệ đồng phạm (pháp nhân - cá nhân; cá nhân đại diện - cá nhân) có chung hành vi phạm tội (của cá nhân đại diện và cá nhân) với ba chủ thể phạm tội (pháp nhân, cá nhân đại diện, cá nhân). Nếu pháp nhân và pháp nhân là đồng phạm thì ngoài quan hệ đồng phạm giữa pháp nhân và pháp nhân thì hai cá nhân đại diện của hai pháp nhân đó cũng có quan hệ đồng phạm với nhau. Cả pháp nhân và cá nhân đại diện cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do cá nhân đại diện đã cố ý tham gia thực hiện. Hay nói cách khác, cá nhân đại diện là người đồng phạm thì

pháp nhân cũng là người đồng phạm; nhưng trong các quan hệ đồng phạm khác nhau, cá nhân đại diện tham gia với vai trò gì thì pháp nhân tham gia với vai trò đó. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân với tư cách người đồng phạm nào tất yếu phải có trách nhiệm hình sự với tư cách đó của một hoặc nhiều cá nhân đại diện cho pháp nhân. Đồng thời, một pháp nhân bị xử lý hình sự với tư cách người đồng phạm ở các giai đoạn thực hiện tội phạm, thì cá nhân đại diện cho pháp nhân cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự tương ứng với tư cách người đồng phạm và ở các giai đoạn thực hiện tội phạm.

*Thứ hai, pháp nhân và cá nhân là người của pháp nhân cùng cố ý thực hiện tội phạm.*

Trong trường hợp này pháp nhân thông qua người đại diện cho pháp nhân cùng cố ý thực hiện tội phạm với một cá nhân là người của pháp nhân. Hành vi của cá nhân không phải là người đại diện của pháp nhân nếu theo học thuyết đồng nhất hóa thì không phải là hành vi của pháp nhân. Nhưng, khi cá nhân đại diện cho pháp nhân và cá nhân đó cùng thực hiện một tội phạm thì theo lý thuyết đồng phạm, pháp nhân phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội chung của cá nhân đại diện và cá nhân là người của pháp nhân.

Quan hệ đồng phạm giữa pháp nhân và cá nhân là người của pháp nhân chỉ phát sinh khi hai chủ thể này độc lập với nhau, tức là hành vi của cá nhân là người của pháp nhân không đồng nhất với hành vi của pháp nhân. Nói cách khác, cá nhân của pháp nhân không thỏa mãn các điều kiện để quy kết cho pháp nhân.

Mối quan hệ đồng phạm trong trường hợp này có điểm khác biệt là phát sinh giữa các chủ thể trong nội bộ một pháp nhân. Do đó, cần làm rõ ý chí chủ quan để xác định đúng vị trí, vai trò của các chủ thể trong vụ án đồng phạm, từ đó cá thể hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp. Mặt khác, vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án đồng phạm phát sinh trong nội bộ pháp nhân cũng có khác biệt bởi về nguyên tắc, pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự cho hành vi vi phạm của cá nhân là người của pháp nhân gây ra.

Như vậy, cách tiếp cận quan điểm pháp nhân là chủ thể của tội phạm sẽ giải quyết được các vấn đề mà cách tiếp cận từ quan điểm pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự chưa giải quyết được:

*Thứ nhất, thỏa mãn đầy đủ cơ sở trách nhiệm hình sự trong đồng phạm theo khoa học luật hình sự.*

Tiếp cận quan điểm pháp nhân là chủ thể của tội phạm tức là pháp nhân thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm.

Cơ sở vật chất của trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân là hành vi phạm tội của pháp nhân. Hành vi phạm tội của pháp nhân được xác định là hành vi của người đại diện pháp nhân nếu hành vi của người đại diện pháp nhân thỏa mãn đầy đủ các điều kiện xác định trách nhiệm hình sự cho pháp nhân.

Cơ sở pháp lý của trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân trong vụ án đồng phạm là cấu thành tội phạm đồng phạm. Cấu thành tội phạm đồng phạm được hiểu là tổng hợp cấu thành quy định về đồng phạm tại Phần chung và cấu thành của tội phạm cụ thể tại Phần Các tội phạm.

Như vậy, tiếp cận từ quan điểm pháp nhân là chủ thể của tội phạm, trách nhiệm hình sự của pháp nhân thỏa mãn đầy đủ cơ sở trách nhiệm của pháp nhân.

*Thứ hai, trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong vụ án đồng phạm.*

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân được xác định trên cơ sở hành vi phạm tội của pháp nhân. Hành vi phạm tội của pháp nhân là hành vi của cá nhân hoặc nhóm cá nhân đại diện cho pháp nhân. Trong vụ án đồng phạm, theo nguyên tắc chịu trách nhiệm chung, pháp nhân phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội chung, bao gồm hành vi của cá nhân hoặc nhóm cá nhân đại diện của pháp nhân cùng cố ý thực hiện với cá nhân/pháp nhân khác. Trong đó, hành vi của cá nhân hoặc nhóm cá nhân đại diện của pháp nhân là hành vi có ý nghĩa xác định vai trò của pháp nhân trong vụ án đồng phạm, là cơ sở để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân; đồng thời cũng có ý nghĩa xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đối với pháp nhân.

Nếu cá nhân hoặc nhóm cá nhân đại diện của pháp nhân tham gia vụ đồng phạm với dạng hành vi đồng phạm nào (thực hành, tổ chức, xúi giục, giúp sức) thì pháp nhân sẽ tham gia với tư cách người đồng phạm tương ứng (người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức). Theo logic này, sẽ có thể có hai người đồng phạm với cùng một hành vi đồng phạm nếu cả cá nhân đại diện và pháp nhân đều thỏa mãn các dấu hiệu của tội phạm. Tuy nhiên, trách nhiệm hình sự áp dụng đối với cá nhân đại diện và pháp nhân là khác nhau do căn cứ đánh giá tính chất,

mức độ tham gia vụ đồng phạm của các chủ thể khác nhau, cũng như đặc tính của các loại chủ thể là khác nhau.

Trong vụ án đồng phạm có quy định chủ thể đặc biệt, nếu pháp nhân thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể và thỏa mãn dấu hiệu của chủ thể đặc biệt thì pháp nhân là người thực hành. Nếu pháp nhân không thỏa mãn dấu hiệu của chủ thể đặc biệt thì pháp nhân không phải là người đồng phạm trong vụ phạm tội mà hành vi có thể cấu thành tội phạm khác.

Về các giai đoạn thực hiện tội phạm trong đồng phạm đối với pháp nhân, người thực hành thực hiện tội phạm đến giai đoạn nào thì những người tham gia chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn tương ứng. Theo đó, pháp nhân cũng chịu trách nhiệm hình sự về các giai đoạn thực hiện tội phạm tương ứng với giai đoạn của người thực hành trong đồng phạm. Người thực hành trong đồng phạm có thể là cá nhân hoặc là cá nhân đại diện và pháp nhân.

Đối với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm, pháp nhân cũng được áp dụng như đối với cá nhân. Trong trường hợp này, pháp nhân phải chấm dứt việc phạm tội trước giai đoạn tội phạm hoàn thành và phải có hành vi tích cực để ngăn chặn thành công việc phạm tội.

*Thứ ba, việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân trong vụ án đồng phạm.*

Tiếp cận quan điểm pháp nhân là chủ thể của tội phạm, việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân đại diện

được hiểu là: Không có việc truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thì sẽ không truy cứu trách nhiệm hình sự của cá nhân. Trách nhiệm hình sự của cá nhân được áp dụng theo các trường hợp sau:

Một là, trong mọi trường hợp, cá nhân đại diện luôn phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng tội danh với pháp nhân trừ trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Hơn nữa, trong vụ án đồng phạm, cá nhân và pháp nhân còn phải chịu trách nhiệm về tội phạm chung mà họ cùng cố ý thực hiện với cá nhân/pháp nhân khác.

Hai là, đối với cá nhân hoặc những cá nhân đứng đầu pháp nhân thì tùy trường hợp cụ thể để xử lý. Nếu những người này biết và cùng thống nhất chỉ đạo điều hành hoặc chấp thuận thì họ phải chịu trách nhiệm chung về tội danh với pháp nhân và người trực tiếp thực hiện. Nếu trong số họ có người không biết hoặc biết mà phản đối việc thực hiện hành vi thì họ không phải chịu trách nhiệm chung tội danh với pháp nhân.

*Thứ tư, vấn đề “lỗi” của pháp nhân phạm tội trong vụ án đồng phạm.*

Pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội thông qua cá nhân. Hành vi của cá nhân được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân là thể hiện dấu hiệu lỗi của pháp nhân thông qua đánh giá ý thức chủ quan của người đứng đầu hoặc ban lãnh đạo của pháp nhân đối với hành vi phạm tội do người đại diện thực hiện.

Lỗi của pháp nhân được đánh giá về lý trí và ý chí của người đứng đầu hoặc ban lãnh đạo của pháp nhân là:

Một là, nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà người đại diện thực hiện. Thấy trước hậu quả nguy hiểm

cho xã hội của hành vi của người đại diện cũng như hậu quả chung của tội phạm mà họ tham gia thực hiện.

Hai là, chỉ đạo, trực tiếp điều hành hoặc chấp thuận cho người đại diện tham gia thực hiện tội phạm chung và cùng mong muốn hoặc có ý thức bỏ mặc cho hậu quả của tội phạm chung xảy ra.

Ba là, trong trường hợp tội phạm được thực hiện là tội phạm có động cơ, mục đích là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì người đứng đầu pháp nhân hoặc ban lãnh đạo của pháp nhân phải có chung mục đích phạm tội hoặc biết rõ và tiếp nhận mục đích phạm tội đó.

Như vậy, tiếp cận pháp nhân là chủ thể của tội phạm thì vấn đề lỗi của pháp nhân được giải quyết theo các lý thuyết chung về tội phạm mà không cần phải áp dụng nguyên tắc quy tội khách quan theo cách tiếp cận pháp nhân là chủ thể của trách nhiệm hình sự như đã trình bày ở trên.

*Thứ năm, kỹ thuật lập pháp trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về pháp nhân trong vụ án đồng phạm.*

Tiếp cận theo quan điểm pháp nhân là chủ thể của tội phạm đòi hỏi phải có các quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân tương ứng với cá nhân trong Phần chung và Phần Các tội phạm Bộ luật Hình sự. Các quy định này có thể là trực tiếp, tức là quy định cụ thể cho pháp nhân phạm tội hoặc quy định gián tiếp thông qua quy định cho cá nhân và cho phép áp dụng đối với cả pháp nhân phạm tội. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về cơ bản đã thực hiện kỹ thuật lập pháp theo quan

điểm này, mặc dù còn có những quy định chưa đạt được như mong muốn<sup>13</sup>. Cụ thể:

Một là, nhóm các quy định chung về trách nhiệm hình sự của pháp nhân và trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong vụ án đồng phạm.

Về cơ sở trách nhiệm của pháp nhân, Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định: “...2. *Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự.*”

Khái niệm tội phạm tại Điều 8 quy định: “... là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự... hoặc do pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý...”.

Phân tích hai điều luật trên cho thấy, cá nhân và pháp nhân đều thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội một cách cố ý hoặc vô ý. Hai chủ thể này đều thực hiện một loại tội phạm, tức là không có tội phạm riêng quy định cho pháp nhân phạm tội.

Bởi vì pháp nhân thực hiện tội phạm thông qua hành vi của cá nhân đại diện cho pháp nhân nên các quy định về lỗi, chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội... cũng như về đồng phạm đều không có quy định riêng cho pháp nhân. Mặt khác, Điều 74 Bộ luật Hình sự quy định: “*Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự theo những*

*quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này*”. Quy định này đã mở rộng phạm vi áp dụng của các quy định của phần chung Bộ luật Hình sự mà không trái với các quy định riêng biệt của pháp nhân quy định tại Chương XI Bộ luật Hình sự.

Hai là, các quy định riêng về trách nhiệm hình sự của pháp nhân và trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong vụ án đồng phạm.

Điều 76 Bộ luật Hình sự quy định pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong 33 Điều của Bộ luật Hình sự. Về kỹ thuật thể hiện trong 33 Điều luật đó đều có một khung hình phạt riêng quy định về loại và mức hình phạt áp dụng đối với pháp nhân. Như vậy, Bộ luật Hình sự không phải xây dựng cấu thành tội phạm riêng cho pháp nhân mà chỉ cần quy định mức hình phạt theo các khung tương ứng khi xử lý hành vi đối với cá nhân.

Điều 85 quy định một trong các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân là “*Câu kết với pháp nhân khác để phạm tội*”. Điều luật này cho phép hiểu rằng, chỉ khi pháp nhân là chủ thể của tội phạm mới có thể có hành vi câu kết và đồng phạm với pháp nhân khác để phạm tội và bị tăng nặng trách nhiệm hình sự so với các trường hợp thông thường.

Ba là, quy định trách nhiệm hình sự pháp nhân trong Phần Các tội phạm Bộ luật Hình sự.

33 điều luật trong phần các tội phạm có quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân được quy định tại điều khoản riêng tại cuối của điều luật. Các khoản riêng này đều được bắt đầu bằng câu: “*Pháp nhân thương*

<sup>13</sup> Trong báo cáo thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Hình sự số 100/2013/QH13 của Ủy ban tư pháp gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/9/2016, nội dung dự kiến được bổ sung đã không được thông qua là khoản 5 Điều 17: “*Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này cũng được áp dụng đối với trường hợp đồng phạm giữa pháp nhân thương mại với pháp nhân thương mại hoặc giữa pháp nhân thương mại với cá nhân*”.

*mai phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau...".* Quy định này thể hiện việc pháp nhân thương mai phạm tội. Tiếp đó, các khoản riêng này lại được thể hiện dưới hai dạng cấu trúc:

a. Quy định khung hình phạt áp dụng cho pháp nhân tương ứng với các trường hợp phạm tội của cá nhân. Theo cách quy định này, tội phạm của pháp nhân giống với tội phạm của cá nhân.

b. Quy định khung hình phạt cho pháp nhân tương ứng với các khung hình phạt đã quy định cho người phạm tội nhưng thay đổi dấu hiệu ở khung hình phạt cơ bản, quy định bổ sung dấu hiệu cho pháp nhân phạm tội, tức là quy định tội phạm riêng đối với pháp nhân.

Như vậy, khi pháp nhân cấu kết với pháp nhân/cá nhân khác thực hiện tội phạm thì pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về điều luật quy định tội phạm chung nhưng độc lập theo các khung hình phạt mà các chủ thể cấu thành.

Ngoài ra, nghiên cứu kỹ thuật lập pháp hình sự trong các quy định về pháp nhân nói chung và pháp nhân trong vụ án đồng phạm nói riêng còn có những mâu thuẫn, dẫn đến các cách hiểu và tiếp cận khác nhau về pháp nhân là chủ thể của tội phạm hay pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự.

### **3. Kết luận**

Tiếp cận vấn đề đồng phạm trong vụ án do pháp nhân thực hiện từ góc độ chủ thể của tội phạm hoặc chủ thể của trách nhiệm hình sự đều có những cơ sở lý luận và thực tiễn pháp lý. Tương ứng với mỗi cách tiếp cận, vấn đề đồng phạm trong vụ án do pháp nhân thực hiện cũng sẽ khác biệt.

Quan điểm tiếp cận pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự đưa ra nhiều luận điểm mới so với khoa học pháp lý truyền thống như: Vấn đề quy tội khách quan, trách nhiệm hình sự do tội phạm của người khác... Khi pháp nhân chỉ là chủ thể của trách nhiệm hình sự thì không có đồng phạm của pháp nhân mà chỉ có vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong vụ án đồng phạm.

Quan điểm tiếp cận pháp nhân là chủ thể của tội phạm đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thì có tính truyền thống hơn và cơ bản không làm thay đổi cơ sở lý luận và nhận thức thực tiễn. Theo lý thuyết về đồng phạm và lý thuyết trách nhiệm hình sự của pháp nhân thì có các trường hợp đồng phạm trong vụ án do pháp nhân thực hiện.

Sở dĩ còn có nhiều quan điểm như vậy, một phần do sự không thống nhất về kỹ thuật lập pháp của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Thêm nữa, trách nhiệm hình sự của pháp nhân là vấn đề khó và còn khá mới đối với Việt Nam.

Thực tiễn xét xử tại Việt Nam về các vụ án truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân, Tòa án nhân dân các cấp thụ lý, giải quyết rất ít, đặc biệt là các vụ án giải quyết vấn đề đồng phạm trong vụ án có pháp nhân thương mại.

Trong thời gian tới, khi chưa thể sửa đổi được ngay các quy định của Bộ luật Hình sự, cần phải có quy định giải thích hoặc hướng dẫn nhận thức thống nhất về bản chất của việc quy định vấn đề trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân. Từ đó, sẽ góp phần giải quyết khoa học và hợp pháp vấn đề đồng phạm trong vụ án do pháp nhân phạm tội.